

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 21 tháng 4 năm 2026

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp Lý luận chính trị khóa 33

Môn: Phần F.I - Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Anh Ba	8,75	Tám phẩy bảy năm	41	Nông Quốc Huy	9,00	Chín
2	Lê Nam Bắc	9,00	Chín	42	Đàm Thu Lệ	8,75	Tám phẩy bảy năm
3	Nông Đình Bảng	9,00	Chín	43	Nông Minh Liễu	9,00	Chín
4	Đàm Văn Bình	8,75	Tám phẩy bảy năm	44	Hoàng Diệu Linh	9,00	Chín
5	Hoàng Hồng Chuyên	9,00	Chín	45	Lăng Văn Long	8,75	Tám phẩy bảy năm
6	Bế Ngọc Công	8,50	Tám phẩy năm	46	Nông Văn Long		Thôi học
7	Đình Văn Cường	8,75	Tám phẩy bảy năm	47	Nông Đức Long	8,50	Tám phẩy năm
8	Lương Thị Đào	8,75	Tám phẩy bảy năm	48	Nông Thị Mây	8,75	Tám phẩy bảy năm
9	Bế Thanh Đạt	9,00	Chín	49	Tô Linh Nam	8,75	Tám phẩy bảy năm
10	Đặng Xuân Định	9,00	Chín	50	Đình Thị Thanh Nga	9,00	Chín
11	Mã Văn Duệ	8,75	Tám phẩy bảy năm	51	Hà Văn Nghị	8,75	Tám phẩy bảy năm
12	Nông Thị Mỹ Dung	8,75	Tám phẩy bảy năm	52	Trương Đại Nghĩa	9,00	Chín
13	Bạch Thái Dũng	8,50	Tám phẩy năm	53	Hoàng Văn Nguyễn	9,00	Chín
14	Nguyễn Tiến Dũng	8,50	Tám phẩy năm	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	9,00	Chín
15	Hà Ngọc Dương	9,00	Chín	55	Nông Thị Minh Nguyệt	9,00	Chín
16	Phạm Thị Giang	8,75	Tám phẩy bảy năm	56	Bế Văn Nhân	8,50	Tám phẩy năm
17	Trần Nguyên Giáp	8,75	Tám phẩy bảy năm	57	Nông Thị Hồng Nhung	8,50	Tám phẩy năm
18	Ma Thị Hải	9,00	Chín	58	Dương Thanh Phong	8,50	Tám phẩy năm
19	Nông Ngọc Hải	8,50	Tám phẩy năm	59	Hà Minh Quyết	8,75	Tám phẩy bảy năm
20	Đàm Thị Hành	8,75	Tám phẩy bảy năm	60	Lâm Thị Quỳnh	8,75	Tám phẩy bảy năm
21	Hoàng Quang Hậu	8,75	Tám phẩy bảy năm	61	Bàn Tồn Sao	8,75	Tám phẩy bảy năm
22	Vũ Thị Thu Hiền	9,00	Chín	62	Đình Thị Hồng Sợi	8,75	Tám phẩy bảy năm
23	Quốc Thị Thanh Hoa	9,00	Chín	63	Nông Đức Tài	8,50	Tám phẩy năm
24	Nông Thị Hòa	9,00	Chín	64	Nông Hồng Thắm	9,00	Chín

DHT

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
25	Lục Xuân Hòa	8,50	Tám phẩy năm	65	Phan Văn Thành	8,50	Tám phẩy năm
26	Thẩm Đức Hoàng	8,75	Tám phẩy bảy năm	66	Phan Thiêm	8,50	Tám phẩy năm
27	Nông Duy Hoằng	8,75	Tám phẩy bảy năm	67	Lê Thị Xuân Thương	9,00	Chín
28	Hoàng Doãn Hoạt	8,50	Tám phẩy năm	68	Đàm Thị Thanh Thủy	9,00	Chín
29	Hoàng Văn Hội	8,75	Tám phẩy bảy năm	69	Lê Minh Thụy	8,50	Tám phẩy năm
30	Lê Thị Hồng	8,75	Tám phẩy bảy năm	70	Lương Thị Thu Trang	8,50	Tám phẩy năm
31	Hoàng Văn Huấn	8,50	Tám phẩy năm	71	Phan Minh Trang	9,00	Chín
32	Đình Văn Hùng	9,00	Chín	72	Nông Thu Trang	8,75	Tám phẩy bảy năm
33	Trần Văn Hùng	9,00	Chín	73	Đình Kiều Trinh	8,75	Tám phẩy bảy năm
34	Bế Văn Hùng	8,50	Tám phẩy năm	74	Lê Kim Trường	9,00	Chín
35	Hoàng Việt Hưng	9,00	Chín	75	Hồ Anh Tuấn	8,75	Tám phẩy bảy năm
36	Hoàng Quốc Hưng	8,50	Tám phẩy năm	76	Hứa Thanh Tùng	9,00	Chín
37	Phan Tuấn Hưng	9,00	Chín	77	Nông Thanh Tuyên	8,50	Tám phẩy năm
38	Nông Hồng Hương	8,50	Tám phẩy năm	78	Đoàn Thị Tuyền	8,75	Tám phẩy bảy năm
39	Trương Ngọc Hữu	8,50	Tám phẩy năm	79	Đoàn Thanh Tuyên	8,75	Tám phẩy bảy năm
40	Lý Văn Huy	8,75	Tám phẩy bảy năm	80	Trịnh Thị Thanh Tuyền	8,75	Tám phẩy bảy năm

GHI ĐIỂM



Đoàn Thị Kim Liên

PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Thị Vân Thủy

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Việt Hưng